TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2022
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Lê Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24-02-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Hoàng M, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).
2. Bị đơn: chị Huỳnh Thị Th, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai của anh Lê Hoàng M có trong hồ sơ vụ án: vào năm 1995, anh M và chị Th có tổ chức đám cưới, sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có con chung tên là Lê Thanh Tùng, sinh ngày 19-4-2003.

Thời gian đầu chung sống thì có hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xãy ra gây gỗ, chị Th nhiều lần có hành vi xúc phạm đến anh M, mặc dù anh M có khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Th vẫn không sửa đổi từ đó dẫn đến không còn hạnh phúc. Vì vậy, anh M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với chị Th:

- Về hôn nhân: anh Lê Hoàng M yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Th.

- Về con chung: anh M và chị Th có 01 con chung tên là Lê Thanh Tùng, sinh ngày 19-4-2003. Nay Tùng đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh M và chị Th có tài sản chung bao gồm: có 01 (một) nền nhà diện tích 80,4m^2 thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 72, tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà cấp 4, vách gạch, mái lợp tol, nền lót gạch men gắn liền với diện tích đất chiều ngang 04m, chiều dài 19m, tổng diện tích 76m^2; 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24 kara 9T8 và 15 (Mười lăm) chỉ vàng 18 kara, hiện nay chị Th đang quản lý số tài sản trên, tổng giá trị tài sản là 668.500.000đồng. Theo đơn khởi kiện thì anh M yêu cầu chia đôi giá trị tài sản với số tiền là 334.250.000đồng, nhưng tại phiên hòa giải ngày 28-01-2022 anh M xin rút yêu cầu, anh M và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của chị Huỳnh Thị Th có trong hồ sơ vụ án: thống nhất theo lời trình bày của anh M. Vào năm 1995, anh Mai và chị Th có tổ chức đám cưới, sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. anh M và chị Th sống chung có con chung tên Lê Thanh Tùng, sinh ngày 19-4-2003.

Sống chung đến năm 2020 thì anh M và chị Th xãy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh M yêu cầu ly hôn thì chị Th thống nhất ly hôn với anh M.

- Về con chung: anh M và chị Th có 01 con chung tên là Lê Thanh Tùng, sinh ngày 19-4-2003. Nay Tùng đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị M cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: thống nhất như lời trình bày của anh M, để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Hoàng M và chị Huỳnh Thị Th được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đúng quy định nhưng anh Mai và chị Thủy đều có đơn xin vắng mặt đề ngày 09-2-2022, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị Th là đúng theo quy định tại các Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: anh M và chị Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1995 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và Ủy ban nhân dân xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

..."

Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: anh M và chị Th có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ

chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận anh Lê Hoàng M và chị Huỳnh Thị Th quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: anh M và chị Th có 01 con chung tên là Lê Thanh Tùng, sinh ngày 19-4-2003, hiện nay Tùng đã thành niên tự lao động sinh sống được nên anh M, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[2.3] Về tài sản chung: tại phiên hòa giải ngày 28-01-2022 đồng thời theo đơn xin vắng mặt đề ngày 09-02-2022 của anh M thì anh M xin rút yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Th thống nhất theo ý kiến của anh M. Căn cứ các điều 218, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

[2.4] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: anh M phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 218, 228, 238 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng vào các điều 9, 14, 15, 16, 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Hoàng M và chị Huỳnh Thị Th là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Lê Thanh Tùng, sinh ngày 19-4-2003 đã thành niên tự lao động sinh sống được. Cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung bao gồm: 01 (một) nền nhà diện tích 80,4m^2 thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 72,

tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà cấp 4, vách gạch, mái lợp tol, nền lót gạch men gắn liền với diện tích đất chiều ngang 04m, chiều dài 19m, tổng diện tích 76m^2; 25 chỉ vàng 24 kara 9T8 và 15 chỉ vàng 18 kara.

[4] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: anh Lê Hoàng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp là 8.656.000đồng theo biên lai thu số: 0002569 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, anh M được hoàn trả lại số tiền trên lệch 8.356.000đồng.

Chị Huỳnh Thị Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cư